

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2021/DS-PT

Ngày: 23/4/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh.

Bà Trịnh Thị Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 951/2020/QĐPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3058/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1949; địa chỉ: xã C, huyện D, tỉnh E.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Thành G, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: xã H, huyện A, Thành phố Hồ chí Minh.

2. Bà Lương Ngọc I, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ HKTT: xã H, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực tế đang cư trú tại: Phường 9, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04/9/2019, Bản tự khai ngày 21/10/2019 và các biên bản làm việc tại tòa, nguyên đơn – ông Phạm Văn B trình bày:

Vào ngày 22/11/2007, ông Phạm Văn B có cho vợ chồng ông bà Phạm Thành G và Lương Ngọc I vay số vàng là 20 lượng vàng 24k, ông G và bà I cam kết trả dần theo từng năm từ năm 2010 và đến cuối năm 2018 thì sẽ trả hết cho ông B. Việc vay vàng có lập thành Hợp đồng vay vàng ngày 22/11/2007 có chữ ký, ghi rõ họ tên Phạm Thành G và Lương Ngọc I. Ngày 12/7/2017, ông G và bà I lập giấy cam kết đến ngày 22/11/2018 sẽ trả lại đủ số vàng cho ông B. Nhưng hết thời hạn nêu trên, ông G và bà I không trả lại số vàng đã vay.

Do đó, nay ông B khởi kiện yêu cầu ông G và bà I trả lại cho ông toàn bộ số vàng đã vay là 20 lượng vàng 24k (tương đương với 850.000.000 đồng tại thời điểm làm đơn khởi kiện).

Bị đơn là ông Phạm Thành G và bà Lương Ngọc I vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không thể hiện ý kiến gì.

Bản án sơ thẩm số 591/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Thành G và bà Lương Ngọc I phải thanh toán cho ông Phạm Văn B số tiền nợ 1.060.000.000 (một tỷ không trăm sáu mươi triệu) đồng tương đương với 20 cây vàng 24k (giá vàng 24k ngày 24/9/2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Về phần tiền lãi suất do nguyên đơn không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/11/2020, bị đơn – ông Phạm Thành G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu huỷ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Số tiền ông được đền bù trước đây thì ông chia cho các con, ngoài ra ông bán thêm vàng cho vợ chồng ông G mượn thêm, ông chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông G 300.000.000 đồng và khi viết giấy mượn thì được ghi là hợp đồng vay vàng, vay 20 lượng vàng loại 24k.

Nay ông yêu cầu toà án xét xử buộc ông G, bà I trả lại số vàng trên, không đồng ý với ý kiến của bị đơn là trả tiền. Khi khởi kiện lại thì ông không có nộp Quyết định đình chỉ số 302/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện A. Ông xác định đây là tài sản riêng của ông vì giữa ông và bà L đã tự chia tài sản chung xong, việc thoả thuận chia này không lập thành văn bản.

Bị đơn – ông Nguyễn Thành G trình bày: Năm 2007, khi ông vay mượn của ba mẹ thì viết giấy mượn tiền, khi nhận tiền thì cũng nhận tiền mặt không phải bằng vàng; sau đó, ông B yêu cầu ký lại mới ghi là giấy mượn vàng. Năm 2016, khi ông B khởi kiện thì Toà án đã mời mẹ ông là bà L tham gia vụ án nhưng sau đó ông B rút đơn. Sau này, ông B khởi kiện lại thì ông không nhận được giấy triệu tập của Toà án, mẹ ông cũng không được tham gia vụ án. Từ khi vay mượn đến nay, ông không có trả vốn và lãi.

Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng và trả cho ba mẹ ông, không phải trả cho một mình ông B; ông yêu cầu Toà án huỷ bản án sơ thẩm bởi cấp sơ thẩm không đưa mẹ ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Lương Ngọc I trình bày: Bà xác nhận vợ chồng bà có ký vay của ông B 300.000.000 đồng nhưng lúc đó bà cũng không có ký nhận số tiền; không phải vay vàng. Nay ông B đòi nợ thì bà đồng ý trả nhưng hiện khó khăn nên bà yêu cầu ông G bán nhà trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Hát trình bày: Khi ông B khởi kiện lại thì bà không được Toà mời tham gia vụ án, đến khi ông G nhận được bản án thì báo mới cho bà biết nên bà làm bản tường trình và yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết quyền lợi của bà. Vì Toà cấp sơ thẩm không đưa bà vào tham gia tố tụng nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nhưng bà không thể kháng cáo. Số tiền cho ông G, bà I vay là tiền chung của bà và ông B trước khi ly hôn. Năm 2016, ông B khởi kiện ông G toà án có đưa bà vào tham gia tố tụng, bà xác định là trước đó con bà có ký giấy vay tiền cho vợ chồng bà; sau đó chính bà yêu cầu ông G, bà I ký lại giấy vay vàng, bà đề nghị Toà phúc thẩm xem xét quyền lợi của bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Theo quyết định thuận tình ly hôn thì giữa bà L, ông B đã tự thoả thuận giải quyết tài sản. Nên bị đơn yêu cầu hủy án vì cấp sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Xét cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ chứng cứ và yêu cầu của đương sự nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị: Y án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Hội đồng xét xử nhận định:

Xét quan hệ tranh chấp vay bằng vàng nhưng cấp sơ thẩm ra thông báo hoà giải, tiếp cận công khai chứng cứ là không đúng. Trường hợp các cá nhân vay vàng với nhau là vi phạm điều cấm của luật thì Tòa không được tiến hành thủ tục hoà giải (khoản 2 Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự), chỉ tiến hành thủ tục đối chất.

Về đưa người tham gia tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm bà L có tường trình và yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh xem xét quyền lợi của bà. Xét Giấy vay tiền năm 2007, bà L xuất trình quyết định thuận tình ly hôn số 162/2011/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2011 và theo quyết định trên “về tài sản chung hai vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết”. Toà sơ thẩm không đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ những định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Phạm Thành G.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thành G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí do ông G đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0077097 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà